

Số: 246/QĐ-CĐKTKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2025
của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 4832/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Lâm thành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4379/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý 1 năm 2025 của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh *(Theo các biểu mẫu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị trong nhà trường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- P. KH-TC Sở GD&ĐT;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Khê Văn Mạnh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT TP HCM

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 246 /QĐ-CDKTKT ngày 08/04/2024 của Trường CD KTKT TP HCM)

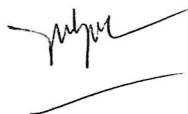
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện Quý 1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	98.119.000.000	7.854.263.519
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13, 14)	24.781.000.000	7.854.263.519
	Thanh toán cho cá nhân	12.208.500.000	7.830.155.211
	Mục 6000: Tiền lương	7.630.968.085	4.882.840.548
	6001: Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	7.630.968.085	4.882.840.548
	Mục 6100: Phụ cấp lương	2.544.768.883	1.674.859.853
	6101: Phụ cấp chức vụ	204.066.363	105.066.000
	6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	1.356.307.073	996.924.357
	6113: Phụ cấp trách nhiệm	2.808.000	1.404.000
	6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	961.587.447	571.465.496
	6149: Phụ cấp khác	20.000.000	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	2.018.363.032	1.268.854.810
	6301: Bảo hiểm xã hội	1.380.807.806	944.897.340
	6302: Bảo hiểm y tế	265.338.656	166.746.590
	6303: Kinh phí công đoàn	176.892.437	73.837.586
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp	88.446.218	55.582.196
	6349: Quỹ TNLĐ BNN	106.877.915	27.791.098
	Mục 6400: Trợ cấp	14.400.000	3.600.000
	6449: Trợ cấp, phụ cấp khác	14.400.000	3.600.000
	Chi về hàng hoá dịch vụ	49.500.000	24.108.308
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.500.000	858.308
	6601: Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	1.000.000	638.308
	6605: Thuê bao kênh vệ tinh, cước phí Internet, đường truyền mạng	500.000	220.000
	Mục 6700: Công tác phí	48.000.000	23.250.000
	6704: Khoán công tác phí	48.000.000	23.250.000
	Nguồn KP cải cách tiền lương	12.523.000.000	-
	Thanh toán cho cá nhân	12.523.000.000	-
	Mục 6000: Tiền lương	7.826.424.000	
	6001: Lương theo ngạch, bậc	7.826.424.000	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	2.614.476.000	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện Quý 1
	6101: Phụ cấp chức vụ	167.280.000	
	6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	1.578.870.000	
	6113: Phụ cấp trách nhiệm	2.040.000	
	6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	866.286.000	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	2.082.100.000	-
	6301: Bảo hiểm xã hội	1.506.200.000	
	6302: Bảo hiểm y tế	265.800.000	
	6303: Kinh phí công đoàn	177.200.000	
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp	88.600.000	
	6349: Quỹ TNLĐ BNN	44.300.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12, 14)	73.338.000.000	-
	<u>Thanh toán cho cá nhân</u>	38.349.000.000	-
	Mục 6150: Hỗ trợ học bổng và hỗ trợ khác	38.349.000.000	-
	6156: Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	38.349.000.000	
	<u>Nguồn KP cải cách tiền lương</u>	34.989.000.000	-
	<u>Thanh toán cho cá nhân</u>	34.989.000.000	-
	Mục 6400: Trợ cấp	34.989.000.000	-
	6449: Trợ cấp, phụ cấp khác	34.989.000.000	

Phụ trách kế toán



Bùi Vũ Minh Nguyệt



HIỆU TRƯỞNG

Khê Văn Mạnh